

Số: 05/2020/QĐST- DS

Cao Phong, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T (VP Bank).

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị VP Bank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ - HĐQT ngày 02/3/2020.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Mạnh T - Chuyên viên xử lý nợ - VP Bank AMC theo văn bản ủy quyền số 1921/2020/UQ -VPB ngày 17/03/2020.

**Bị đơn:** Ông Bùi Quang H - Sinh năm 1974.

Bà Bùi Thị T - Sinh năm 1977.

Cùng cư trú tại: Phố B, xã T, huyện C, tỉnh H.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về thanh toán công nợ:** Các đương sự thống nhất thoả thuận tính đến ngày 24/8/2020 ông Bùi Quang H và bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T toàn bộ nợ gốc và lãi là **298.925.000 đồng** (Hai trăm chín tám triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) Trong đó:

Nợ gốc: 287.628.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Lãi: 11.297.000đ (Mười một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

2.2. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp và bên có nghĩa vụ chưa trả được nợ thì phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc, kể từ ngày 24/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo quá trình thi hành án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự kê biên và phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Phố Bằng, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 598034, sổ vào sổ cấp GCN: 00245 do Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/07/2004 đứng tên ông Bùi Quang H.

**3. Về án phí:** Ông Bùi Quang H và bà Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định chung là **7.473.000đ** (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*)

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T được trả lại 9.200.000đ (*Chín triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai thu tiền số 0003762 ngày 27/4/2020.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).



